

Bản án số: 09/2018/DS-ST

Ngày: 22/3/2018

“V/v tranh chấp chia di sản thừa kế ”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH T, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Hoàng Thành**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/. Ông **Nguyễn Tấn Út**

2/. Bà **Nguyễn Thị Việt Ngữ**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Lai Thị Thùy Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông **Nguyễn Văn Cường** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2017/TLST-DS, ngày 24 tháng 8 năm 2017 về: “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXX-ST, ngày 22 tháng 02 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2018/QĐXX-ST ngày 07 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:**

Bà Trần Thị N, sinh 1962 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Chợ C, thị trấn Hưng L, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của các nguyên đơn:* Ông Kim Điền P, sinh năm 1983, Văn bản ủy quyền ngày 09/8/2017 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Chợ C, thị trấn Hưng L, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

**2. Bị đơn:**

Ông Trần Phú N, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: Số 16, ấp Chợ C, thị trấn Hưng L, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Bà Trần Thị N1, sinh 1947 (vắng mặt)

3.2. Ông Trần Phú H, sinh 1948 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Chợ C, thị trấn Hưng L, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

3.3. Bà Trần Thị B, sinh 1950 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 23, xã Vĩnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

3.4. Bà Trần Thị Thu H (có mặt)

3.5. Bà Trần Thị T (có mặt)

3.6. Ông Trần Phú T (vắng mặt)

3.7 Ông Trần Phú T1 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 16, ấp Chợ C, thị trấn Hưng L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 8 năm 2017 và lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết, lời trình bày của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa, vụ án có nội dung như sau:

Cha, mẹ của nguyên đơn là ông Trần Phú H1 mất năm 2013 và bà Trần Thị H mất vào năm 2015, ông H1 và bà H có 05 người con là: Trần Thị N1; Trần Phú H; Trần Thị B; Trần Phú Nh và Trần Thị N. Ngoài ra ông H1 và bà H không có con riêng hay con nuôi, ông H1 và bà H chết không để lại di chúc. Di sản ông H1 và bà H để lại là phần đất có diện tích 158 m<sup>2</sup> thuộc thửa 569, tờ bản đồ số 02 tọa lạc ấp Chợ C, xã Châu H (nay là thị trấn Hưng L), huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng gắn liền với căn nhà do ông Trần Phú H1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp vào ngày 30/5/1997 hiện nay nhà và đất do ông Trần Phú N cùng vợ và các con đang sử dụng.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất thuộc thửa 569, tờ bản đồ số 02, rút lại một phần là phần yêu cầu chia giá trị nhà vì nhà cất trước năm 1975 đến nay không còn giá trị sử dụng và yêu cầu được nhận kỷ phần được chia bằng giá trị.

*Bị đơn Trần Phú N trình bày:* Cha tên Trần Phú H1 mất năm 2013, mẹ tên Trần Thị H mất năm 2015, cha, mẹ có 05 người con: Trần Thị N1; Trần Thị B; Trần Phú H; Trần Phú Nh và Trần Thị N, ngoài ra cha mẹ không có con nuôi hay con riêng, bị đơn sống chung với cha, mẹ từ nhỏ đến khi cha, mẹ qua đời. Cha, mẹ chết không để lại di chúc, tài sản cha mẹ để lại là phần đất diện tích 158 m<sup>2</sup> thuộc thửa 569, tờ đồ số 02 tọa lạc ấp Chợ C, xã Châu H (nay là thị trấn Hưng L), huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, gắn liền với căn nhà ngang khoảng 8 m, dài khoảng 20 m xây dựng trước năm 1975 đã hư hỏng, còn nhà hiện nay do bị đơn sửa lại, Hiện nay bị đơn sử dụng nhà và đất này cùng vợ là Trần Thị Thu H và các con là Trần Thị T, Trần Phú T, Trần Phú T1. Bị đơn không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trần Thị B và Trần Thị N trình bày:* Cha tên Trần Phú H1 mất năm 2013, mẹ tên Trần Thị H mất năm 2015, cha, mẹ có 05 người con: Trần Thị N1; Trần Thị B; Trần Phú H; Trần Phú N và Trần Thị N, ngoài ra cha mẹ không có con nuôi hay con riêng, bị đơn sống chung với cha, mẹ từ nhỏ đến khi cha, mẹ qua đời. Cha, mẹ chết không để lại di chúc, tài sản cha mẹ để lại là phần đất diện tích 158 m<sup>2</sup> thuộc thửa 569, tờ đồ số 02 tọa lạc ấp Chợ C, xã Châu H (nay là thị trấn Hưng L), huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng. Các người liên

quan không yêu cầu chia thừa kế, nếu được chia kỹ phần của các người liên quan không nhận để lại cho Trần Phú N và Trần Thị N.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trần Phú H trình bày:* Cha tên Trần Phú H1 mất năm 2013, mẹ tên Trần Thị H mất năm 2015 cha, mẹ có 05 người con: Trần Thị N1; Trần Thị B; Trần Phú H; Trần Phú N và Trần Thị N, ngoài ra cha mẹ không có con nuôi hay con riêng, bị đơn sống chung với cha, mẹ từ nhỏ đến khi cha, mẹ qua đời. Cha, mẹ chết không để lại di chúc, tài sản cha mẹ để lại là phần đất diện tích 158 m<sup>2</sup> thuộc thửa 569, tờ đồ số 02 tọa lạc ấp Chợ C, xã Châu H (nay là thị trấn Hưng L), huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, yêu cầu được chia kỹ phần theo pháp luật người liên quan xin nhận bằng giá trị.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Thu H và Trần Thị T trình bày:* Thống nhất theo lời trình bày của bị đơn Trần Phú N, không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn.

Đối với các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trần Phú T và Trần Phú T1: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ra thông báo số 131a, ngày 10/10/2017 về việc đưa người tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và đã tổng đạt hợp lệ cho các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Phú T và Trần Phú T1 không có văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.

Quan điểm của Viện kiểm sát như sau: Từ khi thụ lý đến kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn chia thừa kế theo pháp luật phần đất thuộc thửa 569 tờ bản đồ số 02 tọa lạc ấp Chợ C thị trấn Hưng L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng do ông Trần Phú H1 chết để lại cho các đồng thừa kế của ông H1, bà H có xem xét đến công sức nuôi cha mẹ lúc tuổi già và thờ cúng cha mẹ của bị đơn N.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế nên tranh chấp vụ kiện được qui định tại Khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự; phần đất tranh chấp và địa chỉ của bị đơn tại ấp Chợ C, thị trấn Hưng L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết là đúng theo qui định tại Khoản 1 Điều 35, Điểm a, c Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố Tụng Dân sự.

[2] Các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị N1; Trần Phú H; Trần Thị B; Trần Phú Th và Trần Phú T1 đã được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia xét xử nhưng các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Nên Hội đồng xét xử căn

cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông Trần Phú H1 mất năm 2013 và bà Trần Thị H mất năm 2015 có 05 người con là Trần Thị N1; Trần Thị B; Trần Phú H; Trần Phú N và Trần Thị N. Ngoài ra, ông H1 và bà H không có con nuôi hay con riêng nên hàng thừa kế thứ nhất của ông H1 và bà H gồm có 05 người là Trần Thị N1; Trần Thị B; Trần Phú H; Trần Phú N và Trần Thị N.

[3.1] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các bên đương sự đều thừa nhận Ông H1 và bà H chết để lại tài sản là diện tích 158 m<sup>2</sup> đất thuộc thửa 569, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp Chợ C, xã Châu H (nay là thị trấn Hưng L), huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng gắn liền với căn nhà được xây dựng trước năm 1975 đến nay đã hết giá trị sử dụng, quyền sử dụng đất do ông Trần Phú H1 đứng tên được cấp vào ngày 30/5/1997. Hiện nay bị đơn Trần Phú N cùng vợ là bà Trần Thị Thu H và các con là Trần Thu T, Trần Phú T, Trần Phú T1 đang quản lý sử dụng. Theo nguyên đơn trình bày ông H1 và bà H chết không có để lại di chúc, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn có cung cấp di chúc của ông Trần Phú H1 được lập vào ngày 22/8/2011, nội dung di chúc là để lại toàn bộ tài sản là diện tích 158 m<sup>2</sup> đất thuộc thửa 569, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp Chợ C, xã Châu H (nay là thị trấn Hưng L), huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng gắn liền với căn nhà cho cháu là Trần Phú T1. Nhưng xét thấy di chúc lập ngày 22/8/2011 chỉ có ông H1 ký tên không có chữ ký của bà H, di chúc không có công chứng hay chứng thực, khi lập di chúc ông H1 đã 92 tuổi nhưng không có giấy chứng nhận về sức khỏe của cơ quan y tế nên di chúc là không hợp pháp theo qui định tại Điều 652 Bộ luật Dân sự năm 2005. Do đó, di sản của ông H1 và H chết để lại được chia theo pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như qua định giá các bên đương sự đều thừa nhận căn nhà xây dựng trước năm 1975 đến nay không còn giá trị sử dụng nên không yêu cầu chia giá trị căn nhà, chỉ yêu cầu chia phần đất và chia bằng giá trị.

[3.2] Qua thẩm định thực tế thì phần đất thuộc thửa 569, tờ bản đồ số 02 có tứ cận và diện tích như sau:

- Hướng đông giáp thửa số 570 của ông Trương Văn D có số đo 23,7 m (trong đó có 4,8 m gia đình ông N được Nhà nước giao đất có thu tiền, còn lại 18,9 m là của thửa 569)

- Hướng tây giáp thửa 568 của ông Nguyễn Văn S có số đo 23,7 m (trong đó có 4,8 m gia đình ông N được Nhà nước giao đất có thu tiền, còn lại 18,9 m là của thửa 569)

- Hướng nam giáp đường tỉnh lộ 937 có số đo 8,2 m

- Hướng bắc giáp lộ đal có số đo 7,9 m

Tổng diện tích là 190,5 m<sup>2</sup> (trong đó thửa 569 là 152,5 m<sup>2</sup>, còn lại 38 m<sup>2</sup> gia đình ông N được giao đất có thu tiền).

Theo kết quả định giá thì phần đất thuộc thửa 569, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp Chợ C, xã Châu H (nay là thị trấn Hưng L), huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng có giá là 1.200.000 đồng/m<sup>2</sup> trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đều thống nhất theo kết quả định giá, như vậy tổng giá trị tài sản để chia thừa kế (152,5 m<sup>2</sup> x 1.200.000 đồng) là: 183.000.000 đồng.

[3.3] Hàng thừa kế thứ nhất của ông H1 và bà H có 05 người nên được xem xét chia làm 05 kỷ phần bằng nhau. Tuy nhiên, bị đơn Nhuận là người trực tiếp chăm sóc ông H1, bà H lúc tuổi già cho đến khi qua đời và có công giữ gìn tài sản nên Hội đồng xét xử xem xét chia cho bị đơn N nhiều hơn 01 kỷ phần so với các đồng thừa kế khác, cụ thể 183.000.000 đồng được chia làm 06 kỷ phần, mỗi kỷ phần là 30.500.000 đồng, bị đơn N được hưởng 02 kỷ phần là 61.000.000 đồng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị N1 và Trần Thị B không nhận kỷ phần được chia mà để lại cho nguyên đơn N và bị đơn N hưởng. Như vậy bị đơn N được hưởng 03 kỷ phần là 91.500.000 đồng, nguyên đơn N được hưởng 02 kỷ phần là 61.000.000 đồng, ông Trần Phú H được hưởng 01 kỷ phần là 30.500.000 đồng.

[4] Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu chia giá trị căn nhà. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố Tụng Dân sự đình chỉ yêu cầu chia giá trị căn nhà của nguyên đơn.

[5] Từ những căn cứ trên, xét thấy yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn là có cơ sở phù hợp với qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận, do bị đơn Trần Phú N đang sử dụng Ổn định toàn bộ thửa đất gắn liền với căn nhà và gia đình bị đơn được cấp thêm một phần đất gắn liền với phần đất di sản thừa kế. Ngoài ra, nguyên đơn yêu cầu được chia bằng giá trị nên di sản của ông Trần Phú H1 và bà Trần Thị H được chia như sau: Chia cho bị đơn Trần Phú N di sản thừa kế là diện tích 152,5 m<sup>2</sup> thuộc thửa 569, tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp Chợ C, thị trấn Hưng L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, bị đơn Trần Phú N cùng các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Thu H, Trần Thị T, Trần Phú T và Trần Phú T1 có nghĩa vụ giao trả kỷ phần thừa kế cho nguyên đơn Trần Thị N 61.000.000 đồng (sáu mươi một triệu đồng), giao trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Phú Hải 30.500.000 đồng (ba mươi triệu năm trăm ngàn đồng).

[6] Chi phí thẩm định, định giá là 3.994.678 đồng, chi phí này được chia làm 06 phần, các đương sự phải chịu tương ứng với kỷ phần được hưởng, cụ thể: Bị đơn N phải chịu 1.994.000 đồng, ông Trần Phú H phải chịu 665.000 đồng và nguyên đơn N phải chịu 1.332.678 đồng. Nguyên đơn đã nộp trước 5.000.000 đồng, nên nguyên đơn được nhận lại số tiền nộp thừa là 3.667.000 đồng (được làm tròn số).

[7] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí đối với phần di sản được chia theo kỷ phần theo qui định tại Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 5 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Điểm a,c Khoản 1 Điều 39; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 2 Điều 228; Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 623, 649,650,651,660 Bộ luật Dân sự, Điều 203 Luật đất đai, Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị N

Chia di sản thừa kế của ông Trần Phú H1 và bà Trần Thị H để lại như sau:

1. Chia cho bị đơn Trần Phú N di sản thừa kế là diện tích 152,5 m<sup>2</sup> thuộc thửa 569, tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp Chợ C, thị trấn Hưng L huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng. Có tứ cận như sau:

- Hướng đông giáp thửa số 570 của ông Trương Văn Dg có số đo 23,7 m (trong đó có 4,8 m gia đình ông N được Nhà nước giao đất có thu tiền, còn lại 18,9 m là của thửa 569)

- Hướng tây giáp thửa 568 của ông Nguyễn Văn S có số đo 23,7 m (trong đó có 4,8 m gia đình ông N được Nhà nước giao đất có thu tiền, còn lại 18,9 m là của thửa 569)

- Hướng nam giáp đường tỉnh lộ 937 có số đo 8,2 m

- Hướng bắc giáp lộ đal có số đo 7,9 m

2. Buộc bị đơn Trần Phú N cùng các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Thu H, Trần Thị T, Trần Phú T và Trần Phú T1 có nghĩa vụ giao trả kỷ phần thừa kế cho nguyên đơn Trần Thị N 61.000.000 đồng (sáu mươi một triệu đồng), giao trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Phú Hải 30.500.000 đồng (ba mươi triệu năm trăm ngàn đồng). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Đình chỉ yêu cầu chia giá trị căn nhà gắn liền với thửa đất đất số 569, tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp Chợ C, thị trấn Hưng L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

4. Chi phí thẩm định, định giá: Nguyên đơn N phải nộp 1.332.678 đồng nguyên đơn đã nộp trước 5.000.000 đồng, bị đơn N phải nộp 1.994.000 đồng, ông Trần Phú H phải nộp 665.000 đồng. Nguyên đơn N được nhận lại số tiền nộp thừa là 3.667.000 đồng.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Trần Phú N và các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Thu H, Trần Thị T, Trần Phú T, Trần Phú T1 liên đới nộp 4.575.000 đồng (bốn triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Phú H phải nộp 1.525.000 đồng (một triệu năm trăm hai mươi lăm ngàn đồng), nguyên đơn Trần Thị N phải nộp 3.050.000 đồng (ba triệu

không trăm năm mươi ngàn đồng) được khấu trừ số tiền đã nộp 780.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006047 ngày 24/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, nguyên đơn Nở phải nộp tiếp 2.270.000 đồng (hai triệu hai trăm bảy mươi ngàn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị N1; Trần Phú H; Trần Thị B; Trần Phú Th và Trần Phú T1 thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại ủy ban nhân dân nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hoàng Thành**